

Bản án số: 42/2023/DS-ST
Ngày: 19-7-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Hợp
- Ông Nguyễn Văn Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Hữu T, sinh năm 1953 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Hà Hữu T trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Vào ngày 16-02-2023 ông Nguyễn Văn T1 có ký hợp đồng bán cho ông Hà Hữu T 200 tấn lúa, sau khi ký hợp đồng thì ông T1 có nhận tiền cọc của ông T là 50.000.000 đồng, giao hẹn đến ngày 23-02-2023 sẽ cân lúa. Sau đó, đến ngày 19-02-2023 ông T1 tiếp tục ký hợp đồng bán cho ông T 200 tấn lúa và nhận thêm của ông T 50.000.000 đồng nữa, hẹn đến ngày 29-02-2023 sẽ cân lúa. Qua 02 hợp đồng ông T1 đã nhận tiền cọc của ông T tổng cộng là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày hẹn để cân lúa theo hợp đồng thì ông T1 không cân lúa cho ông T, ông T điện thoại thì ông T1 hẹn ngày hôm sau trả tiền lại nhưng nhiều lần hứa hẹn ông T1 vẫn không trả lại tiền cọc mua lúa cho ông T. Nay ông T yêu

cầu ông T1 phải trả lại tiền cọc 100.000.000 đồng cho ông, ông không yêu cầu tính lãi suất và cũng không yêu cầu bồi thường cọc.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa ông T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 28-3-2023 ông Hà Hữu T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả lại cho ông số tiền đặt cọc mua lúa là 100.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hà Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 trả lại cho ông số tiền đặt cọc mua lúa là 100.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất cũng như không yêu cầu ông T1 bồi thường cọc, Tòa án nhận thấy:

Vào ngày 16-02-2023 ông Nguyễn Văn T1 có ký hợp đồng bán cho ông Hà Hữu T 200 tấn lúa và ông T1 có nhận tiền cọc của ông T là 50.000.000 đồng. Sau đó, đến ngày 19-02-2023 ông T1 tiếp tục ký hợp đồng bán cho ông T 200 tấn lúa và nhận thêm của ông T 50.000.000 đồng nữa. Tổng cộng ông T1 đã nhận tiền cọc của ông T là 100.000.000 đồng nhưng không cân lúa cho ông T. Xét thấy, hợp đồng đặt cọc mua lúa khô và lúa tươi được ông T1 ký kết trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật hay đạo đức xã hội, việc ký kết hợp đồng nhằm đảm bảo cho việc giao kết và thực hiện hợp đồng là phù hợp với Điều 328 của Bộ luật Dân sự.

Về số tiền 100.000.000 đồng ông T kiện ông T1 tuy chưa được ông T1 thừa nhận tại Tòa án nhưng căn cứ vào hợp đồng đặt cọc mua lúa khô và lúa tươi do

nguyên đơn cung cấp có nội dung: Ngày 16-02-2023 ông T1 có nhận tiền cọc của ông T là 50.000.000 đồng và ngày 19-02-2023 ông T1 nhận thêm tiền cọc của ông T là 50.000.000 đồng đều có chữ viết và chữ ký xác nhận của ông T1. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng ông T1 không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản tiền nguyên đơn yêu cầu trả lại hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Như vậy, xem như ông T1 đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do ông T cung cấp cho Tòa án là hợp lệ. Do ông T1 không bán lúa cho ông T nên ông T yêu cầu ông T1 trả lại cho ông số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng. Điều này cho thấy ông T1 đã vi phạm hợp đồng, từ chối việc thực hiện hợp đồng; cho nên, ông T yêu cầu ông T1 phải trả lại tiền đặt cọc 100.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ông T không yêu cầu tính lãi suất cũng như bồi thường tiền cọc nên HĐXX không xem xét.

[3] Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Hữu T; buộc ông Nguyễn Văn T1 phải trả lại cho ông Hà Hữu T số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Ông Hà Hữu T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 328 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Hữu T.
2. Buộc ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Hà Hữu T số tiền đặt cọc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T1 không trả số tiền trên thì còn phải trả cho ông T khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ nộp án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Hà Hữu T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân

